

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YL
TỈNH PT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2021
V/v Tranh chấp về Hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL- TỈNH PT**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn M.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Thâm Văn M.

- Ông Phùng Duy N.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cán Trường Tr – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Y l, tỉnh P t.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị N, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y l, tỉnh P t xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973. Vắng mặt(có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P - Sinh năm 1972. Vắng mặt không có lý do.

Đều trú quán: Khu 5 , xã M h, huyện Y l, tỉnh P t.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N đ, huyện Y l, tỉnh P t năm 1996, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã M h, huyện Y l, tỉnh P t. Vợ chồng hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, do anh P mãi chơi, không chịu làm ăn , lại thường xuyên uống rượu say, nên thường xuyên cãi chửi nhau, anh chị đã khắc phục nhiều lần và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn đã rất trầm trọng, không khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh P không đến tòa án, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Pháp luật cho anh P, anh nhận nhưng không ký biên bản. Khi tòa án đề nghị anh P viết bản tự khai thì anh đề nghị ghi lời khai của anh. Sau khi ghi xong lời trình bày của anh, tòa án đã đọc lại cho anh P và những người có mặt nghe, anh P xác nhận là biên bản đã ghi đúng lời trình bày của anh nhưng anh không ký biên bản.

Anh chỉ nhất trí ly hôn khi chị T về nhà nói chuyện trực tiếp với anh ba mặt một lời.

Về con chung: Chị T và anh P trình bày vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Thị Ph, sinh ngày: 30/8/1997 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/01/2007. Nếu ly hôn cả chị T và anh P

đều xin được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, còn cháu Ph đã đi lấy chồng, nên không đề nghị giải quyết. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh P yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T và anh P đều không đề nghị giải quyết. trình bày vợ chồng đều không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật, bị đơn không có mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 điều 56, điều 58, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, 233 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 25/01/2007, kể từ khi ly hôn đến khi con trưởng thành. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Các mối quan hệ khác: Tài sản chung, công nợ, công sức đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Chị T phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T, anh P để hòa giải nhưng anh P có mặt vắng mặt. Tòa án đã tiến hành làm việc với khu hành chính nơi chị T, anh P sinh sống. Hiện tại anh P có mặt tại địa phương, anh có nhận được các văn bản tố tụng do tòa án gửi nhưng anh không đến tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N đ, huyện Y l, tỉnh P t năm 1996, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã M h, huyện Y l, tỉnh P t. Vợ chồng hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, do anh P mãi chơi, không chịu làm ăn, lại thường xuyên uống rượu say, nên thường xuyên cãi chửi nhau, anh chị đã khắc phục nhiều lần và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn đã rất trầm trọng, không khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

Qua xác minh tại địa phương thì thấy anh chị đã cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2014 đến nay. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được,

cuộc sống chung không thể kéo dài; Chị T xin ly hôn anh P là có căn cứ, phù hợp với thực tế tình cảm vợ chồng và phù hợp với quy định của Pháp luật, nên chấp nhận.

Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh P cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết tiếp vụ án. Như vậy anh P đã từ chối quyền lợi của bản thân, cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên vụ án phải được xét xử vắng mặt anh P theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh P trình bày vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Thị Phương, sinh ngày: 30/8/1997 và Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 25/01/2007. Nếu ly hôn cả chị T và anh P đều xin được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, còn cháu Phương đã đi lấy chồng, nên không đề nghị giải quyết. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh P yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành.

Xét thấy: Chị T trình bày là chị đi làm thuê từ năm 2014 đến nay có thu nhập ổn định và hàng tháng chị vẫn chu cấp đầy đủ cho cháu Anh ăn học. Quan điểm của cháu Anh cũng xin được ở với mẹ. Đề nghị của chị T là có căn cứ, đúng với thực tế và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Vì vậy nên xử giao cháu Nguyễn Tuấn Anh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu là phù hợp. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là do chị tự nguyện nên hội đồng xét xử không xem xét.

Anh P cũng xin được nuôi con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành. Xét điều kiện của anh P không có thu nhập ổn định, không đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu trước mắt cũng như lâu dài. Vì vậy đề nghị của anh P không được chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T và anh P đều không đề nghị giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 56, điều 58, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm a, b khoản 2 điều 227, 233 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 25/01/2007 kể từ khi ly hôn đến khi con trưởng thành. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Xác nhận chị T đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: A/A/2020/0004317 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y l, tỉnh P t. Chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y l;
- Chi cục THADS huyện Y l;
- UBND xã N đ, Y l;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Hoàng Văn M